SAO Y; SỞ TƯ PHÁP; Thời gian ký: 2026-11-26T08:22:58+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2026/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy cấp xã; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Thực hiện Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Tỉnh ủy, Thành ủy;

Xét Tờ trình số 1716/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 549/BC-KTNS ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy cấp xã; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường (sau đây gọi là Đảng ủy cấp xã); Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy cấp xã; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đảng ủy cấp xã; Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy cấp xã.

b) Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, không vượt quá mức chi tại Nghị quyết này; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

Điều 3. Chi xây dựng văn bản

1. Văn bản mới hoặc văn bản thay thế do Đảng ủy cấp xã quyết định ban hành

a) Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

2. Văn bản mới hoặc văn bản thay thế do Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quyết định ban hành

a) Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

3. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, bổ sung, mức chi tối đa bằng 60% mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; chi bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

5. Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Đảng ủy cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao và khả năng cân đối ngân sách. Mức chi quy định tại khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Chi xây dựng dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, đề án, báo cáo giải trình nếu có).

b) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

c) Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thoả thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

d) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Chi thẩm định văn bản trình Đảng ủy cấp xã, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã ban hành (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

1. Văn bản trình Đảng ủy cấp xã

a) Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

2. Văn bản trình Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã

a) Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

b) Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

3. Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

5. Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng Đảng ủy cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao và khả năng cân đối ngân sách. Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thoả thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

6. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

Điều 5. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy cấp xã, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã ban hành

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy cấp xã: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Đảng ủy cấp xã; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Mức chi tối đa 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy cấp xã; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy cấp xã; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy cấp xã; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của Đảng ủy cấp xã: Mức chi tối đa 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy cấp xã: Mức chi tối đa 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Xây dựng chỉ thị, kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng ủy cấp xã, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã: Mức chi tối đa 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 6. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy cấp xã, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/đoàn.

b) Đoàn giải quyết tố cáo: Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/đoàn.

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng: Mức chi tối đa 8.000.000 đồng/đoàn.

2. Nội dung chi bao gồm

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 7. Chi trang phục

Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy cấp xã được hỗ trợ tiền may trang phục 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc

là đại biểu Quốc hội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Điều 8. Nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh

1. Chi xây dựng và thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án) do Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ; chi hội nghị; chi bồi dưỡng khác thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 10 Quy định số 113-QĐ/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Các nội dung, mức chi khác thực hiện theo nội dung và mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành Pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy; HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- VP TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Hoàng Giang